

K  
C  
A  
B



**Korean Commercial  
Arbitration Board**

대한상사중재원

**Main office**

[Trade Tower, Samseong-dong]  
43rd floor, 511, Yeoungdong-daero, Gangnam-gu, Seoul,  
06164 Rep. of Korea  
TEL : +82-2-551-2000, FAX : +82-2-551-2020

**Busan Branch**

[Korea Express Building, Choryang-dong]  
#906, 176, Jungang-daero, Dong-gu, Busan,  
48822 Rep. of Korea  
TEL : +82-51-441-7032, FAX : +82-51-441-7039

[www.kcab.or.kr](http://www.kcab.or.kr)

**Quy tắc Trọng  
tài Quốc tế**



**Korean Commercial  
Arbitration Board**

대한상사중재원

## ĐIỀU KHOẢN MẪU của KCAB

### ĐIỀU KHOẢN MẪU CHO TRANH CHẤP TRONG TƯƠNG LAI

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này sẽ được giải quyết cuối cùng bằng trọng tài theo Quy tắc Tố tụng Trọng tài của Hội đồng Trọng tài Thương mại Hàn Quốc.

Số lượng trọng tài viên là [một/ba]

Địa điểm, hoặc địa điểm pháp lý tố tụng trọng tài là [Seoul, Hàn Quốc]

Ngôn ngữ được sử dụng trong tố tụng trọng tài là [ngôn ngữ]

### THỎA THUẬN MẪU CHO TRANH CHẤP ĐANG TỒN TẠI

Chúng tôi, các bên ký tên dưới đây, theo đây thỏa thuận rằng tranh chấp dưới đây sẽ được đưa ra và giải quyết cuối cùng bằng trọng tài theo Quy tắc Trọng tài Quốc tế KCAB:

[mô tả ngắn gọn về tranh chấp]

Số lượng trọng tài viên là [một/ba]

Địa điểm, hoặc địa điểm pháp lý tố tụng trọng tài là [Seoul/ Hàn Quốc]

Ngôn ngữ sử dụng trong tố tụng trọng tài là [ngôn ngữ].

## CONTENTS

<b>Chương 1.</b>	Điều 1. Quy tắc và tổ chức	01
<b>MỞ ĐẦU</b>	Điều 2. Định nghĩa	01
	Điều 3. Phạm vi áp dụng	02
	Điều 4. Thông báo và nộp tài liệu	02
	Điều 5. Thời hạn	04
	Điều 6. Quy tắc chung	04
	Điều 7. Đại diện	04
<b>Chương 2.</b>	Điều 8. Đơn khởi kiện	05
<b>BẮT ĐẦU TỔ</b>	Điều 9. Trả lời và đơn kiện lại	06
<b>TỤNG TRỌNG TÀI</b>		
<b>Chương 3.</b>	Điều 10. Quy định chung	09
<b>HỘI ĐỒNG</b>	Điều 11. Số lượng trọng tài viên	09
<b>TRỌNG TÀI</b>	Điều 12. Chỉ định trọng tài viên	10
	Điều 13. Xác nhận trọng tài viên	11
	Điều 14. Phản đối trọng tài viên	12
	Điều 15. Thay thế và loại bỏ trọng tài viên	13
<b>Chương 4.</b>	Điều 16. Tiến hành tố tụng	14
<b>THỦ TỤC TỔ</b>	Điều 17. Quy tắc điều chỉnh thủ tục tố tụng	15
<b>TỤNG TRỌNG TÀI</b>	Điều 18. Lịch trình tố tụng	15
	Điều 19. Hệ trình bổ sung	15
	Điều 20. Sửa đổi, bổ sung Yêu cầu kiện, Luận cứ bảo vệ và Yêu cầu phản tố	16
	Điều 21. Tham gia của các Bên khác	16
	Điều 22. Một Thủ tục Trọng tài theo nhiều Hợp đồng	17
	Điều 23. Gộp các Yêu cầu kiện	18
	Điều 24. Địa điểm trọng tài	18
	Điều 25. Phản đối Thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài	18
	Điều 26. Chứng cứ	19
	Điều 27. Chuyên gia	20
	Điều 28. Ngôn ngữ trọng tài	20
	Điều 29. Luật áp dụng	21
	Điều 30. Xét xử	21
	Điều 31. Kết thúc Tố tụng	22
	Điều 32. Các Biện pháp Ngăn chặn và Tạm thời	22
	Điều 33. Vi phạm	23
	Điều 34. Rút đơn khởi kiện	24
<b>Chương 5.</b>	Điều 35. Quyết định	25
<b>PHÁN QUYẾT</b>	Điều 36. Hình thức và Hiệu lực của Phán quyết	25

	Điều 37. Phán quyết Tạm thời, Sơ bộ hoặc Từng phần	25
	Điều 38. Thời hạn ban hành Phán quyết cuối cùng	26
	Điều 39. Phán quyết theo Thỏa thuận	26
	Điều 40. Thông báo và Đăng ký Phán quyết	26
	Điều 41. Chỉnh sửa và Giải thích một Phán quyết	27
	Điều 42. Phán quyết Bổ sung	27
<b>Chương 6.</b>	Điều 43. Phạm vi áp dụng	28
<b>THỦ TỤC RÚT</b>	Điều 44. Thời hạn để nộp Đơn kiện lại và Tăng	
<b>GỌN</b>	khoản yêu cầu khởi kiện và Đơn kiện lại	28
	Điều 45. Chỉ định trọng tài viên	28
	Điều 46. Thủ tục Phiên họp Giải quyết	29
	Điều 47. Tố tụng qua tài liệu	29
	Điều 48. Phán quyết	29
	Điều 49. Áp dụng tương tự	30
<b>Chương 7.</b>	Điều 50. Nghĩa vụ trả Chi phí Trọng tài	31
<b>CHI PHÍ</b>	Điều 51. Chi phí Tạm ứng	31
	Điều 52. Phân bổ Chi phí Trọng tài	32
	Điều 53. Chi phí một Bên phải chịu	33
<b>Chương 8.</b>	Điều 54. Thời hạn được thay đổi	33
<b>CÁC ĐIỀU</b>	Điều 55. Từ bỏ quyền	33
<b>KHOẢN KHÁC</b>	Điều 56. Loại trừ trách nhiệm	34
	Điều 57. Bảo mật	34
<b>ĐIỀU KHOẢN</b>		35
<b>BỔ SUNG</b>		
<b>PHỤ LỤC 1.</b>	Điều 1. Phí nộp khởi kiện	37
<b>QUY ĐỊNH VỀ PHÍ</b>	Điều 2. Phí hành chính	37
<b>KHỞI KIẾN VÀ PHÍ</b>	Điều 3. Phí hành chính đối với Thủ tục Trọng	
<b>HÀNH CHÍNH</b>	tài Khẩn cấp	38
<b>PHỤ LỤC 2.</b>	Điều 1. Phí trọng tài viên	39
<b>QUY ĐỊNH VỀ PHÍ</b>	Điều 2. Chi phí trọng tài viên	40
<b>VÀ CHI PHÍ TRỌNG</b>	Điều 3. Phí Trọng tài viên Khẩn cấp	40
<b>TÀI VIÊN</b>		
<b>PHỤ LỤC 3.</b>	Điều 1. Áp dụng Biện pháp Khẩn cấp	41
<b>BIỆN PHÁP KHẨN</b>	Điều 2. Bổ nhiệm Trọng tài viên Khẩn cấp	42
<b>CẤP CỦA TRỌNG</b>	Điều 3. Quyền hạn của Trọng tài viên Khẩn cấp	43
<b>TÀI VIÊN KHẨN</b>	Điều 4. Chấp thuận, Thay đổi, Đình chỉ và Chấm	
<b>CẤP</b>	dứt bởi Hội đồng Trọng tài	44
	Điều 5. Áp dụng với những thay đổi cần thiết	45

## Chương 1. MỞ ĐẦU

### Điều 1. Quy tắc và tổ chức

1. Đây là quy tắc trọng tài quốc tế của Hội đồng Trọng tài Thương mại Hàn Quốc ("KCAB") và sẽ được gọi tắt là "Quy tắc Trọng tài Quốc tế" hoặc "Quy tắc".
2. KCAB sẽ bổ nhiệm một thư ký thuộc ban thư ký ("Ban Thư ký") để quản lý các vấn đề liên quan đến thủ tục tố tụng trọng tài sẽ được tiến hành theo Quy tắc.
3. KCAB sẽ thành lập một ủy ban cố vấn ("Ủy ban Trọng tài Quốc tế") bao gồm những thành viên được chọn lựa bởi KCAB. KCAB sẽ tham khảo ý kiến của Ủy ban Trọng tài Quốc tế khi đưa ra quyết định theo Điều 12 và Điều 13 của Quy tắc, và nếu thấy cần thiết theo Điều 14 và Điều 15 của Quy tắc.

### Điều 2. Định nghĩa

Các thuật ngữ sử dụng trong Quy tắc này được định nghĩa như sau:

- (a) "Hội đồng Trọng tài" là một hội đồng trọng tài bao gồm một hoặc một số trọng tài viên.
- (b) "Nguyên đơn" là một hoặc một số nguyên đơn và "Bị đơn" là một hoặc một số bị đơn.
- (c) "Trọng tài Quốc tế" là trọng tài mà:
  - i) có ít nhất một trong các bên của thỏa thuận trọng tài, vào thời điểm ký kết thỏa thuận này, có địa điểm kinh doanh ở quốc gia khác, không phải Hàn Quốc; hoặc
  - ii) địa điểm trọng tài được quy định theo thỏa thuận

trọng tài là tại một quốc gia khác, không phải Hàn Quốc.

(d) "Địa điểm kinh doanh" là một trong các địa điểm sau đây:

- i) địa điểm kinh doanh chính, nếu một bên có nhiều hơn một địa điểm kinh doanh; hoặc
- ii) nơi cư trú thường xuyên, nếu một bên không có địa điểm kinh doanh.

### Điều 3. Phạm vi áp dụng

1. Khi thuộc một trong các trường hợp sau đây, trọng tài sẽ được tiến hành theo Quy tắc và Quy tắc sẽ được coi là một phần của thỏa thuận trọng tài tùy theo bất kỳ sửa đổi mà đã được các bên thỏa thuận bằng văn bản
  - (a) khi các bên đã thỏa thuận bằng văn bản là đưa tranh chấp ra giải quyết bằng trọng tài theo Quy tắc; hoặc
  - (b) khi các bên thỏa thuận bằng văn bản là đưa tranh chấp ra giải quyết bằng trọng tài tại KCAB, và trọng tài là Trọng tài Quốc tế
2. Nếu bất kỳ quy định nào của Quy tắc mâu thuẫn với một điều luật áp dụng đối với trọng tài mà các bên không được phép vi phạm, điều luật đó sẽ được áp dụng.

### Điều 4. Thông báo và nộp tài liệu

1. Tất cả các văn thư trao đổi và việc nộp tài liệu, bao gồm các tài liệu vụ việc nộp bởi một bên và tất cả các thông báo và văn thư trao đổi với Ban Thư ký và Hội đồng Trọng tài sẽ được nộp theo quy định dưới đây, trừ trường hợp Quy tắc quy định khác hoặc Ban Thư ký hoặc Hội đồng Trọng tài hướng dẫn khác đi:

- (a) được nộp với số lượng bản sao đủ để gửi cho mỗi bên một bản, mỗi trọng tài viên một bản và Ban Thư ký một bản, hoặc
  - (b) gửi bằng phương tiện điện tử có ghi nhận việc chuyển giao, bao gồm email và fax.
2. Tất cả các thông báo và văn thư trao đổi với một bên theo Khoản 1 (a) phải được gửi đến địa chỉ mà bên đó đưa ra hoặc, trường hợp không được đưa ra thì sẽ là địa chỉ được cuối cùng biết được của bên đó hoặc đại diện của bên đó. Bất kỳ thông báo hoặc văn thư trao đổi được gửi có biên nhận, thư bảo đảm, chuyển phát nhanh, hoặc bất kỳ phương thức nào khác có ghi nhận việc gửi.
  3. Tất cả các thông báo và văn thư trao đổi được gửi bằng phương tiện điện tử theo Khoản 1(b) phải được gửi theo chi tiết liên lạc mà bên nhận tài liệu đó đã đồng ý hoặc đưa ra.
  4. Một thông báo hoặc văn thư trao đổi sẽ được xem là đã được gửi đi vào ngày nó được nhận bởi một bên hoặc đại diện của bên đó hoặc ngày mà một bên hoặc đại diện của bên đó lẽ ra phải nhận được nếu được gửi đến địa chỉ được biết cuối cùng theo Khoản 2.
  5. Trước khi thành lập Hội đồng Trọng tài, mọi liên lạc giữa các bên hoặc giữa một bên với các trọng tài viên phải được thực hiện thông qua Ban Thư ký. Ban Thư ký sẽ gửi bản sao của bất cứ văn thư nào cho các bên và các trọng tài viên. Sau đó, trừ khi Hội đồng Trọng tài hướng dẫn khác đi, tất cả các trao đổi, bằng văn bản hay lời nói, đều phải được thực hiện trực tiếp giữa các bên hoặc giữa mỗi bên với Hội đồng Trọng tài đồng thời gửi bản sao cho Ban Thư ký, nếu bằng văn bản.
  6. Nếu Ban Thư ký thay mặt cho Hội đồng Trọng tài gửi bất kỳ văn thư nào cho một bên, Ban Thư ký phải gửi một bản sao văn thư đó cho bên kia.

## **Điều 5. Thời hạn**

---

1. Nhằm mục đích xác định ngày bắt đầu của một thời hạn, một thông báo hoặc văn thư trao đổi khác sẽ được coi là đã nhận được vào ngày nó được giao theo Điều 4.
2. Nhằm mục đích xác định việc tuân thủ thời hạn, một thông báo hoặc văn thư trao đổi khác được coi là đã tuân thủ thời hạn nếu nó đã được gửi theo Điều 4, trước hoặc vào ngày hết hạn của thời hạn.
3. Nhằm mục đích tính thời hạn theo Quy tắc này, thời hạn sẽ bắt đầu vào ngày dương lịch ngay sau ngày mà thông báo hoặc văn thư trao đổi khác được giao theo Điều 4. Nếu ngày cuối cùng của thời hạn này là ngày nghỉ lễ hoặc ngày không làm việc tại nơi cư trú hoặc kinh doanh của người nhận, thời hạn sẽ hết hạn vào ngày làm việc tiếp theo. Ngày nghỉ lễ hoặc ngày không làm việc nằm giữa thời hạn vẫn được gộp vào khi tính thời hạn.

## **Điều 6. Quy tắc chung**

---

Ban Thư ký và Hội đồng Trọng tài phải hành động theo tinh thần của Quy tắc và nỗ lực hết sức để đảm bảo phán quyết được có hiệu lực thì hành theo pháp luật.

## **Điều 7. Đại diện**

---

Một bên có thể ủy quyền đại diện cho bất kỳ người nào mà họ lựa chọn trong quá trình tố tụng theo Quy tắc này, theo tài liệu chứng minh việc ủy quyền mà Hội đồng Trọng tài có thể yêu cầu.

## Chương 2. BẮT ĐẦU TỔ TỤNG TRỌNG TÀI

### Điều 8. Đơn khởi kiện

---

1. Một bên muốn khởi kiện ra trọng tài theo Quy tắc này phải gửi Đơn khởi kiện của mình (“Đơn khởi kiện”) cho Ban Thư ký, Ban Thư ký sẽ thông báo cho Nguyên đơn và Bị đơn về việc nhận được Đơn khởi kiện và ngày nhận được Đơn khởi kiện này.
2. Để phục vụ mọi mục đích, ngày mà Ban Thư ký nhận được Đơn khởi kiện được hiểu là ngày bắt đầu tố tụng trọng tài.
3. Đơn khởi kiện bao gồm những nội dung sau đây:
  - (a) Họ tên và địa chỉ, số điện thoại, số fax (có mã quốc gia và mã thành phố), địa chỉ email của Nguyên đơn;
  - (b) Mô tả về Nguyên đơn – trường hợp Nguyên đơn là doanh nghiệp thì bao gồm nơi thành lập và loại hình doanh nghiệp; hoặc trường hợp Nguyên đơn là cá nhân thì bao gồm quốc tịch, nơi cư trú chính hoặc nơi làm việc của người đó;
  - (c) Họ tên và địa chỉ, số điện thoại và số fax (có mã quốc gia và mã thành phố), địa chỉ email của Bị đơn;
  - (d) Trình bày về bản chất và tình huống tranh chấp dẫn đến khiếu kiện;
  - (e) Trình bày về các biện pháp tạm thời được yêu cầu, bao gồm số liệu về bất kỳ khoản tiền nào được yêu cầu trong giới hạn có thể;
  - (f) Trình bày những vấn đề liên quan đến thủ tục tố tụng, bao gồm địa điểm và ngôn ngữ trọng tài, luật áp dụng, số lượng trọng tài viên, tiêu chuẩn và tên của các trọng tài viên theo đó các bên đã thỏa thuận

bằng văn bản hoặc đề xuất của Nguyên đơn về các vấn đề này;

- (g) Nếu thỏa thuận trọng tài yêu cầu bên tranh chấp chọn trọng tài viên, họ tên và địa chỉ, số điện thoại và số fax (có mã quốc gia và mã thành phố), địa chỉ email của trọng tài viên được chọn bởi Nguyên đơn;
  - (h) Những thỏa thuận có liên quan, bao gồm cả (các) thỏa thuận trọng tài bằng văn bản làm căn cứ cho Đơn khởi kiện; và
  - (i) Họ tên và địa chỉ, số điện thoại và fax (có mã quốc gia và mã thành phố), địa chỉ email của người đại diện.
4. Nguyên đơn phải nộp Đơn khởi kiện với số lượng bản sao quy định tại Điều 4 và nộp phí khởi kiện theo quy định tại Phụ lục 1 hiện hành vào ngày nộp Đơn khởi kiện.
  5. Trong trường hợp Nguyên đơn không tuân thủ bất kỳ yêu cầu nào ở Khoản 4, Ban Thư ký có thể ấn định một thời hạn để Nguyên đơn thực hiện và nếu Nguyên đơn vẫn không tuân thủ trong thời hạn này, Ban Thư ký có thể đóng thủ tục tố tụng mà không ảnh hưởng đến quyền khởi kiện này hoặc các yêu cầu khác của Nguyên đơn.
  6. Ban Thư ký sẽ gửi bản sao của Đơn khởi kiện và tất cả tài liệu kèm theo cho Bị đơn chỉ sau khi Ban Thư ký đã nhận được đủ số lượng hồ sơ và phí khởi kiện.

### Điều 9. Trả lời và đơn kiện lại

---

1. Bị đơn sẽ nộp bản trả lời (“Trả lời”) trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được Đơn khởi kiện từ Ban Thư ký và bao gồm các nội dung sau:
  - (a) Họ tên và địa chỉ, số điện thoại và fax (có mã quốc

gia và mã thành phố), địa chỉ email của Bị đơn;

- (b) Mô tả về Bị đơn – trường hợp Bị đơn là doanh nghiệp thì bao gồm nơi thành lập và loại hình doanh nghiệp; hoặc trường hợp Bị đơn là cá nhân thì bao gồm quốc tịch, nơi cư trú chính hoặc nơi làm việc của người đó;
  - (c) Thừa nhận hoặc phủ nhận tất cả hoặc một phần các yêu cầu khởi kiện mà Nguyên đơn đưa ra trong Đơn khởi kiện và ý kiến đối với các biện pháp tạm thời được yêu cầu trong Đơn khởi kiện;
  - (d) Bất kỳ ý kiến nào liên quan đến số lượng và việc chọn trọng tài viên của Nguyên đơn, nếu có, liên quan đến bất kỳ đề xuất nào mà Nguyên đơn đưa ra, liên quan đến Điều 11 và 12 của Quy tắc này, và bất kỳ việc chọn trọng tài viên được yêu cầu theo đó;
  - (e) Bất kỳ ý kiến nào về địa điểm trọng tài, luật áp dụng và ngôn ngữ trọng tài;
  - (f) Nếu thỏa thuận trọng tài yêu cầu bên tranh chấp chọn trọng tài viên, họ tên và địa chỉ, số điện thoại và số fax (có mã nước và mã thành phố), địa chỉ email của trọng tài viên được chọn bởi Bị đơn; và
  - (g) Họ tên và địa chỉ, số điện thoại và số fax (có mã quốc gia và mã thành phố), địa chỉ email của người đại diện.
2. Ban Thư ký có thể gia hạn thời gian nộp Trả lời của Bị đơn, với điều kiện là đơn đề nghị gia hạn này có các ý kiến của Bị đơn về số lượng và việc chọn (các) trọng tài viên hoặc việc chọn (các) trọng tài viên theo Điều 11 và 12. Nếu Bị đơn không nộp đơn đề nghị gia hạn như quy định, thời hạn nộp Trả lời sẽ không được gia hạn.
  3. Bị đơn nộp Trả lời cho Ban Thư ký theo Điều 4.
  4. Đơn kiện lại của Bị đơn phải bao gồm những nội dung sau đây và phải được nộp cùng với Trả lời. Mỗi đơn kiện

lại phải dựa trên thỏa thuận trọng tài liên quan.

- (a) Trình bày bản chất và tình huống phát sinh tranh chấp dẫn đến đơn kiện lại;
  - (b) Trình bày về biện pháp tạm thời được yêu cầu, bao gồm số liệu về bất kỳ khoản tiền nào được yêu cầu trong giới hạn có thể;
5. Mặc dù có quy định tại Khoản 4, đơn kiện lại có thể được nộp trong quá trình tố tụng trọng tài sau này nếu Hội đồng Trọng tài thấy rằng việc trì hoãn là hợp lý theo từng trường hợp.
  6. Nếu Hội đồng Trọng tài xem xét bản tự bảo vệ của Bị đơn bao gồm cả đơn kiện lại, Hội đồng Trọng tài có thể yêu cầu Bị đơn làm rõ việc Bị đơn có muốn nộp đơn kiện lại theo quy định tại Khoản 4 trên đây hay không.
  7. Việc không nộp Trả lời sẽ không làm mất quyền bác bỏ bất kỳ yêu cầu khởi kiện hoặc quyền đưa ra một đơn kiện lại trong quá trình tố tụng trọng tài của Bị đơn. Tuy nhiên, nếu thỏa thuận trọng tài yêu cầu bên tranh chấp chọn trọng tài viên, việc không nộp Trả lời hoặc không chọn một trọng tài viên trong thời hạn hoặc cả hai tình huống trên sẽ được coi là khước từ vĩnh viễn quyền chọn trọng tài viên của bên đó.

## Chương 3. HỘI ĐỒNG TRỌNG TÀI

### Điều 10. Quy định chung

1. Trọng tài viên theo Quy tắc này sẽ và luôn luôn phải khách quan và độc lập.
2. Trọng tài viên chấp nhận việc chỉ định hoặc lựa chọn sẽ ký và nộp Bản Chấp thuận và Tuyên bố Khách quan và Độc lập theo mẫu mà Ban Thư ký cung cấp. Trọng tài viên phải thông báo cho Ban Thư ký bất kỳ trường hợp có khả năng phát sinh những nghi ngờ chính đáng về tính khách quan hoặc độc lập của trọng tài viên, và nếu trong bất kỳ giai đoạn nào của trọng tài, những tình huống mới phát sinh có thể dẫn đến những nghi ngờ như vậy đối với tính khách quan và độc lập của trọng tài viên, trọng tài viên đó phải ngay lập tức thông báo những tình huống này bằng văn bản cho các bên và cho Ban Thư ký.
3. Ban Thư ký sẽ cung cấp cho các bên Bản Chấp thuận và Tuyên bố Khách quan và Độc lập ngay khi nhận được.
4. Những quyết định của Ban Thư ký về bất kỳ vấn đề nào liên quan đến việc chỉ định, thay thế hoặc hủy bỏ tư cách trọng tài viên sẽ là chung thẩm và không bị kháng cáo.

### Điều 11. Số lượng trọng tài viên

Như một quy tắc chung, các tranh chấp theo Quy tắc này sẽ được xét xử bởi một trọng tài viên duy nhất. Tuy nhiên, một vụ việc có thể được xét xử bởi ba trọng tài viên nếu các bên đã thỏa thuận để tiến hành như vậy hoặc trong trường hợp không có thỏa thuận về vấn đề này, mà Ban Thư ký theo quyết định của riêng mình xác định số lượng

trọng tài hợp lý, có xem xét đến ý định của các bên, số tiền tranh chấp, tính phức tạp của tranh chấp và những tình huống có liên quan khác.

### Điều 12. Chỉ định trọng tài viên

1. Trường hợp tranh chấp được giải quyết bởi một trọng tài viên duy nhất, các bên sẽ cùng lựa chọn một trọng tài viên duy nhất trong 30 ngày kể từ ngày Bị đơn nhận được Đơn khởi kiện hoặc nếu Ban Thư ký quyết định chuyển tranh chấp cho một trọng tài viên duy nhất theo Điều 11, trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo về quyết định này. Nếu các bên không cùng nhau chọn được một trọng tài viên duy nhất trong thời hạn hoặc trong khoảng thời gian đã được gia hạn bởi Ban Thư ký, Ban Thư ký sẽ chỉ định một trọng tài viên duy nhất.
2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc tranh chấp sẽ được giải quyết bởi ba trọng tài viên, Nguyên đơn sẽ chọn một trọng tài viên trong Đơn khởi kiện hoặc trong thời gian được gia hạn bởi Ban Thư ký, Bị đơn sẽ chọn một trọng tài viên trong Trả lời hoặc trong thời gian đã được gia hạn bởi Ban Thư ký. Trường hợp Ban Thư ký quyết định đưa tranh chấp cho ba trọng tài viên theo Điều 11, mỗi bên sẽ chỉ định một trọng tài viên trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo về quyết định này hoặc trong khoảng thời gian được gia hạn bởi Ban Thư ký. Nếu bất kỳ bên nào không chọn trọng tài viên trong thời hạn áp dụng, Ban Thư ký sẽ chỉ định trọng tài viên đó. Sau khi chỉ định được hai trọng tài viên đầu tiên, hai trọng tài viên này sẽ cùng nhau chỉ định trọng tài viên thứ ba làm chủ tịch Hội đồng Trọng tài. Nếu trong vòng 30 ngày kể từ ngày chỉ định trọng tài viên thứ hai, hai trọng tài viên không chỉ định được trọng tài viên thứ ba làm chủ tịch, Ban Thư ký sẽ chỉ định trọng tài viên đó.



3. Trường hợp có nhiều bên, cho dù là Nguyên đơn hay Bị đơn, và Hội đồng Trọng tài gồm ba trọng tài viên, các bên Nguyên đơn và/hoặc các bên Bị đơn sẽ cùng chọn một trọng tài viên theo Khoản 2. Nếu các bên Nguyên đơn hoặc các bên Bị đơn không thể chọn được trọng tài viên trong thời hạn ấn định bởi Ban Thư ký, Ban Thư ký sẽ chỉ định trọng tài viên đó. Nếu các bên không thể thống nhất về thành phần của Hội đồng Trọng tài, Ban Thư ký sẽ chỉ định từng thành viên của Hội đồng Trọng tài và sẽ chỉ định một trong số họ làm chủ tịch.
4. Trường hợp Ban Thư ký chỉ định một trọng tài viên, Ban Thư ký sẽ xem xét kinh nghiệm, khả năng tham gia, quốc tịch và nơi cư trú của trọng tài viên dự định. Khi có yêu cầu của bất kỳ bên nào, Ban Thư ký sẽ chỉ định một trọng tài viên duy nhất hoặc chủ tịch của Hội đồng Trọng tài mà có quốc tịch khác với quốc tịch của các bên. Yêu cầu nêu trên phải được nộp trong vòng ba ngày kể từ ngày Ban Thư ký thực hiện quyền chỉ định của mình và nếu yêu cầu này được nộp, Ban Thư ký phải cho bên còn lại một cơ hội để đưa ra ý kiến về yêu cầu đó.
5. Trường hợp Ban Thư ký cho phép các yêu cầu khởi kiện theo các hợp đồng khác nhau được nộp trong một Đơn khởi kiện duy nhất theo Điều 22, các bên sẽ chỉ định (các) trọng tài viên theo Khoản 1, 2 và 3 nếu tất cả những yêu cầu này phát sinh theo một thỏa thuận trọng tài duy nhất.
6. Sau khi thành lập Hội đồng Trọng tài, Ban Thư ký sẽ ngay lập tức thông báo cho các bên và tất cả các trọng tài viên bằng văn bản về họ tên, địa chỉ và nghề nghiệp của các trọng tài viên.

### **Điều 13. Xác nhận trọng tài viên**

---

1. Việc lựa chọn bất kỳ trọng tài viên nào bởi các bên hoặc

của trọng tài viên thứ ba bởi các trọng tài viên còn lại sẽ được coi là đã được chỉ định sau khi có xác nhận của Ban Thư ký. Nếu các bên thỏa thuận chỉ định một trọng tài viên trong thỏa thuận trọng tài của họ, thỏa thuận này sẽ được coi là một thỏa thuận lựa chọn một trọng tài viên theo Quy tắc này.

2. Sau khi có xác nhận về bất kỳ trọng tài viên nào, Ban Thư ký sẽ ngay lập tức thông báo cho các bên và các trọng tài viên bằng văn bản về việc xác nhận này.
3. Nếu Ban Thư ký theo quyết định riêng mình xác định rằng việc chọn trọng tài rõ ràng là không phù hợp, Ban Thư ký có thể từ chối xác nhận việc lựa chọn đó sau khi cho các bên và (các) trọng tài viên một cơ hội trình bày ý kiến.
4. Nếu việc lựa chọn không được xác nhận bởi Ban Thư ký, bên lựa chọn hoặc các trọng tài viên sẽ chọn trọng tài viên khác trong thời hạn được ấn định bởi Ban Thư ký.

### **Điều 14. Phản đối trọng tài viên**

---

1. Một bên có thể phản đối trọng tài viên nếu có các tình huống dẫn đến những nghi ngờ chính đáng về tính khách quan hoặc độc lập của trọng tài viên. Bên chỉ định trọng tài viên có thể phản đối chính trọng tài viên đó chỉ với những lý do mà bên đó biết được sau khi chỉ định.
2. Việc phản đối trọng tài viên vì thiếu khách quan hay độc lập, hoặc vì những lý do khác sẽ được tiến hành bằng cách nộp bản trình bày bằng văn bản cho Ban Thư ký nêu rõ các sự kiện và tình huống là cơ sở cho việc phản đối. Bản trình bày này phải được sao gửi cho Hội đồng Trọng tài và cho bên còn lại.
3. Phản đối chỉ được coi là có hiệu lực nếu được thực hiện trong vòng 15 ngày kể từ một trong những ngày sau đây.

- (a) Ngày nhận được xác nhận nếu các bên chọn trọng tài viên, hoặc ngày nhận được thông báo chỉ định nếu Ban Thư ký chỉ định trọng tài viên; hoặc
- (b) Ngày mà bên đưa ra phản đối biết về các sự kiện và tình huống dẫn đến phản đối này.
4. Trọng tài viên bị phản đối, bên hoặc các bên còn lại, và bất kỳ thành viên nào khác của Hội đồng Trọng tài có thể nộp một bản ý kiến bằng văn bản về việc phản đối này cho Ban Thư ký trong vòng 15 ngày kể từ ngày họ nhận được phản đối. Bản ý kiến này sẽ được sao gửi cho Hội đồng Trọng tài và bên còn lại.
  5. Khi trọng tài viên bị phản đối bởi một bên, trọng tài viên đó sẽ rút tư cách trọng tài viên nếu tất cả các bên thống nhất. Trọng tài viên bị phản đối cũng có thể tự rút tư cách tự nguyện. Trong bất kỳ trường hợp nào, việc rút khỏi tư cách trọng tài viên này không có nghĩa là chấp nhận giá trị của những căn cứ phản đối. Nếu tất cả các bên không đồng ý với việc phản đối và trọng tài viên bị phản đối không rút lui một cách tự nguyện thì Ban Thư ký sẽ quyết định về việc phản đối này.

#### **Điều 15. Thay thế và loại bỏ trọng tài viên**

1. Trọng tài viên sẽ bị thay thế khi chết, khi Ban Thư ký chấp thuận từ chối không tham gia của trọng tài viên, khi Ban Thư ký quyết định đồng ý với việc phản đối hoặc khi tất cả các bên tham gia trọng tài yêu cầu.
2. Ban Thư ký sẽ loại bỏ bất kỳ trọng tài viên nào không thực hiện nghĩa vụ của người đó, trì hoãn thực hiện nghĩa vụ của mình không chính đáng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ của mình một cách hợp pháp hoặc thực tế.
3. Trường hợp trọng tài viên bị thay thế trong quá trình tố tụng, trọng tài viên thay thế sẽ được chỉ định hoặc lựa

chọn theo trình tự quy định tại Điều 12 và 13 áp dụng cho việc chỉ định hoặc lựa chọn trọng tài viên.

4. Nếu trọng tài viên bị thay thế, sau khi tham khảo ý kiến của các bên, Hội đồng Trọng tài được thành lập lại sẽ xác định liệu có cần tiến hành lại và tiến hành đến mức độ nào những thủ tục tố tụng đã thực hiện trước khi thành lập lại Hội đồng Trọng tài.
5. Sau khi đã kết thúc các thủ tục này, thay vì thay thế trọng tài viên bị chết, từ chối hoặc bị loại bỏ, Ban Thư ký có thể quyết định rằng những trọng tài viên còn lại phải hoàn thành tố tụng trọng tài. Khi đưa ra quyết định này, Ban Thư ký phải tham khảo ý kiến của các trọng tài viên còn lại và các bên và có thể xem xét những vấn đề khác thấy là phù hợp để đưa ra quyết định của mình.

## **Chương 4. THỦ TỤC TỐ TỤNG TRỌNG TÀI**

#### **Điều 16. Tiến hành tố tụng**

1. Theo Quy tắc này và bất kỳ thỏa thuận nào giữa các bên, Hội đồng Trọng tài có thể tiến hành tố tụng trọng tài theo bất kỳ phương thức nào được coi là phù hợp, với điều kiện là các bên được đối xử một cách công bằng và mỗi bên đều có cơ hội như nhau để trình bày vụ kiện của mình tại giai đoạn phù hợp trong quá trình tố tụng.
2. Hội đồng Trọng tài có thể theo quyết định của riêng

minh chia thủ tục tố tụng thành hai phần và hướng dẫn các bên tập trung nộp hồ sơ theo những vấn đề đó để có thể xử lý tất cả hoặc một phần của vụ kiện.

- Hội đồng Trọng tài sẽ tiến hành các phiên họp để xác minh nhân chứng hoặc giải trình luận cứ ở các giai đoạn thích hợp trong quá trình tố tụng trừ khi các bên có thỏa thuận khác một cách rõ ràng.

### **Điều 17. Quy tắc điều chỉnh thủ tục tố tụng**

---

Hội đồng Trọng tài sẽ tiến hành thủ tục tố tụng theo Quy tắc này. Trong trường hợp Quy tắc không quy định, thì Hội đồng Trọng tài hoặc các bên có thể dựa vào bất cứ quy tắc nào khác để giải quyết.

### **Điều 18. Lịch trình tố tụng**

---

- Hội đồng Trọng tài có thể tiến hành một cuộc họp tố tụng sơ bộ với các bên để thảo luận về trình tự tố tụng trọng tài.
- Sau khi thành lập, Hội đồng Trọng tài sẽ lập lịch trình tố tụng trọng tài tạm thời ngay tại cuộc họp tố tụng sơ bộ hoặc sau khi thảo luận với các bên bằng các phương thức khác, và sẽ gửi lịch trình tố tụng này cho Ban Thư ký và các bên. Hội đồng Trọng tài có thể thay đổi bất kỳ giai đoạn nào được quy định trong lịch trình tạm thời này tại bất kỳ thời điểm nào sau khi tham khảo ý kiến với các bên.

### **Điều 19. Chế độ bồi bổ**

---

- Hội đồng Trọng tài có thể theo quyết định của riêng mình, cho phép hoặc yêu cầu các bên nộp tài liệu bồi bổ ngoài Đơn khởi kiện và Trả lời (Đơn kiện lại) và sẽ

ấn định những thời hạn cho việc nộp tài liệu bồi bổ sung này.

- Những thời hạn được ấn định bởi Hội đồng Trọng tài cho mỗi lần nộp tài liệu không quá 45 ngày.
- Bên nộp tài liệu bồi bổ theo Khoản 1 phải cung cấp cho bên còn lại và Hội đồng Trọng tài các bản sao (hoặc danh sách, nếu là những tài liệu đặc biệt cồng kềnh) của những tài liệu đã nộp quan trọng mà bên đó làm căn cứ và chưa được nộp trước đó bởi bất kỳ bên nào, cùng với bất kỳ bản mẫu và phụ lục nào có liên quan.

### **Điều 20. Sửa đổi, bồi bổ Yêu cầu kiện, Luận cứ bảo vệ và Yêu cầu phản tố**

---

Trong quá trình tiến hành tố tụng trọng tài, bất kỳ bên nào cũng có thể sửa đổi hoặc bồi bổ các yêu cầu kiện, yêu cầu phản tố hoặc luận cứ bảo vệ của mình và thông báo cho bên còn lại và Ban Thư ký về việc sửa đổi, bồi bổ này, trừ trường hợp Hội đồng Trọng tài xét thấy những sửa đổi hoặc bồi bổ này là không phù hợp do trì hoãn thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến các bên khác hoặc vì bất kỳ lý do nào khác. Một bên có thể không sửa đổi hoặc bồi bổ đơn yêu cầu kiện, yêu cầu phản tố hoặc luận cứ bảo vệ nếu việc sửa đổi hoặc bồi bổ này nằm ngoài phạm vi của thỏa thuận trọng tài.

### **Điều 21. Tham gia của các Bên khác**

---

- Hội đồng Trọng tài có thể cho phép các bên thứ ba được tham gia vào tố tụng trọng tài theo yêu cầu của một bên, với điều kiện là phải thuộc một trong những điều kiện sau đây. Bên thứ ba được tham gia vào như là một bên, sau đây sẽ được gọi là "Bên Khác".
  - Tất cả các bên và Bên Khác phải thống nhất bằng

văn bản về việc tham gia của Bên Khác vào tổ tụng trọng tài; hoặc

- (b) Bên Khác cùng là một bên của thỏa thuận trọng tài với các bên và Bên Khác đã đồng ý bằng văn bản về việc tham gia vào tổ tụng trọng tài.
2. Nếu Bên Khác được tham gia theo quyết định của Hội đồng Trọng tài, điều này sẽ không ảnh hưởng đến việc thành lập của Hội đồng Trọng tài.
3. Nếu các yêu cầu theo Khoản 1 được đáp ứng, Hội đồng Trọng tài có thể từ chối việc tham gia của Bên Khác trong trường hợp có cơ sở hợp lý để quyết định như vậy, ví dụ như làm trì hoãn tổ tụng trọng tài.
4. Điều 8 sẽ áp dụng cùng những thay đổi cần thiết đối với đề nghị tham gia và yêu cầu của Bên Khác, và Điều 9 áp dụng đối với Trả lời và những đơn kiện lại tương ứng.
5. Điều này sẽ chỉ áp dụng cho tổ tụng trọng tài có thỏa thuận trọng tài được giao kết bởi các bên sau ngày có hiệu lực của Quy tắc này.

## **Điều 22. Một Thủ tục Trọng tài theo nhiều Hợp đồng**

Ban Thư ký có thể cho phép việc nộp các yêu cầu kiện phát sinh từ nhiều hợp đồng trong một Đơn khởi kiện duy nhất, với điều kiện là Ban Thư ký đồng ý một cách rõ ràng rằng tất cả các hợp đồng đưa ra trọng tài theo Quy tắc này, điều kiện hiệu lực của các thỏa thuận trọng tài được công nhận, các yêu cầu cùng phát sinh từ một giao dịch hoặc một loạt các giao dịch. Nếu Ban Thư ký xác định rằng các yêu cầu cần được xử theo những thủ tục tổ tụng riêng biệt, các bên sẽ nộp các Đơn khởi kiện riêng mà không ảnh hưởng đến quyền của bất kỳ bên nào yêu cầu gộp đơn kiện theo Điều 23 vào thời điểm sau này.

## **Điều 23. Gộp các Yêu cầu kiện**

1. Hội đồng Trọng tài có thể theo yêu cầu của một bên, gộp các yêu cầu kiện vào một thủ tục trọng tài riêng nhưng chưa giải quyết nếu trọng tài này cũng thuộc phạm vi Quy tắc này và cùng lập bởi các bên đó. Hội đồng Trọng tài có thể không gộp nếu bất kỳ một trọng tài viên nào của hội đồng trọng tài đã được chỉ định trong thủ tục tổ tụng trọng tài riêng.
2. Khi quyết định gộp các yêu cầu kiện theo Khoản 1, Hội đồng Trọng tài sẽ cho các bên cơ hội hợp lý để nộp tài liệu và sẽ xem xét các thỏa thuận trọng tài, bản chất của các yêu cầu và bất kỳ tình huống nào có liên quan khác.

## **Điều 24. Địa điểm trọng tài**

1. Trong trường hợp không có thỏa thuận của các bên, địa điểm trọng tài sẽ là Seoul, Hàn Quốc, trừ khi Hội đồng Trọng tài quyết định một địa điểm khác hợp lý hơn tùy thuộc vào từng hoàn cảnh.
2. Sau khi tham khảo ý kiến của các bên, Hội đồng Trọng tài có thể tiến hành các phiên họp và xét xử tại bất kỳ địa điểm nào được cho là phù hợp.
3. Hội đồng Trọng tài có thể cân nhắc bất kỳ địa điểm nào được cho là phù hợp.

## **Điều 25. Phản đối Thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài**

1. Hội đồng Trọng tài sẽ có thẩm quyền giải quyết những phản đối về thẩm quyền của mình, bao gồm cả phản đối liên quan đến việc có tồn tại và hiệu lực của điều khoản trọng tài hoặc của thỏa thuận trọng tài riêng biệt.
2. Hội đồng Trọng tài sẽ có thẩm quyền xác định sự tồn tại hoặc hiệu lực của hợp đồng mà điều khoản trọng

tài là một phần trong đó. Điều khoản trọng tài này sẽ được coi là một thỏa thuận độc lập với những điều khoản khác của hợp đồng. Quyết định của Hội đồng Trọng tài về việc hợp đồng bị vô hiệu sẽ không dẫn tới việc tự động vô hiệu của điều khoản trọng tài.

3. Phản đối thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài sẽ được đưa ra muộn nhất là trong Trả lời theo quy định tại Điều 9 hoặc đối với đơn kiện lại thì phải được đưa ra trong Trả lời đối với đơn kiện lại.
4. Nói chung, Hội đồng Trọng tài cần giải quyết phản đối liên quan đến thẩm quyền của mình như một vấn đề sơ bộ nhưng có thể tiến hành cùng với tố tụng trọng tài và giải quyết phản đối về này trong Phán quyết cuối cùng của mình.

## Điều 26. Chứng cứ

---

1. Trừ khi các bên có thỏa thuận khác bằng văn bản, tại bất cứ thời điểm nào trong quá trình tố tụng, Hội đồng Trọng tài có thể yêu cầu các bên:
  - (a) cung cấp các tài liệu, phụ lục hoặc chứng cứ khác được coi là cần thiết và phù hợp; hoặc
  - (b) chuẩn bị bất kỳ tài sản, khu vực hoặc đối tượng nào thuộc quyền kiểm soát của các bên và liên quan đến vấn đề trọng tài xem xét để Hội đồng Trọng tài, bất kỳ bên nào hoặc bất kỳ chuyên gia nào kiểm tra.
2. Hội đồng Trọng tài có thể yêu cầu một bên gửi cho Hội đồng Trọng tài hoặc các bên còn lại một bản tóm tắt các tài liệu hoặc chứng cứ khác mà bên đó muốn đưa ra để chứng minh yêu cầu của mình, yêu cầu phản tố hoặc luận cứ bảo vệ của mình.
3. Mỗi bên sẽ có nghĩa vụ chứng minh những sự kiện làm căn cứ chứng minh cho bất kỳ yêu cầu kiện, yêu cầu phản tố hoặc luận cứ bảo vệ nào.

4. Thẩm quyền được trao cho Hội đồng Trọng tài bao gồm cả quyền xác định khả năng được chấp nhận, tính liên quan, độ xác thực và tầm quan trọng của bất cứ chứng cứ nào.

## Điều 27. Chuyên gia

---

1. Hội đồng Trọng tài có thể chỉ định một hoặc nhiều chuyên gia để báo cáo về những vấn đề cụ thể phải được xác định bởi Hội đồng Trọng tài và được thông báo với các bên. Một bản sao các điều khoản tham chiếu của chuyên gia do Hội đồng Trọng tài lập ra sẽ được thông báo cho các bên.
2. Hội đồng Trọng tài có thể yêu cầu một bên cung cấp cho chuyên gia bất kỳ thông tin nào liên quan hoặc cung cấp quyền truy cập vào bất kỳ tài liệu nào liên quan, hàng hóa hoặc tài sản khác để phục vụ cho việc kiểm tra.
3. Khi nhận được báo cáo của chuyên gia, Hội đồng Trọng tài sẽ gửi một bản sao của báo cáo cho tất cả các bên và sẽ cho các bên cơ hội để đưa ra ý kiến về báo cáo. Mỗi bên có thể kiểm tra bất kỳ tài liệu nào được chuyên gia sử dụng làm căn cứ để viết báo cáo.

## Điều 28. Ngôn ngữ trọng tài

---

1. Trừ khi có thỏa thuận khác giữa các bên, Hội đồng Trọng tài sẽ xác định (các) ngôn ngữ trọng tài, có xét đến ngôn ngữ trong hợp đồng và những tình huống liên quan khác.
2. Khi có yêu cầu của Ban Thư ký hoặc Hội đồng Trọng tài, mỗi bên sẽ phải nộp bản dịch của những tài liệu, chứng cứ hoặc những phụ lục bằng văn bản khác đã nộp.

## Điều 29. Luật áp dụng

---

1. Các bên có quyền tự do thỏa thuận về luật nội dung hoặc các quy tắc pháp luật mà Hội đồng Trọng tài áp dụng đối với nội dung của tranh chấp. Trong trường hợp không có thỏa thuận này, Hội đồng Trọng tài sẽ áp dụng luật nội dung hoặc các quy tắc pháp luật được xem là phù hợp.
2. Trong tất cả các trường hợp, Hội đồng Trọng tài sẽ xem xét các điều khoản của hợp đồng giữa các bên và các tập quán thương mại có liên quan.
3. Hội đồng Trọng tài sẽ nhận trách nhiệm như một cơ quan hòa giải hoặc quyết định trung gian chỉ trong trường hợp các bên thỏa thuận rõ ràng trao cho Hội đồng Trọng tài quyền hạn này.

## Điều 30. Xét xử

---

1. Hội đồng Trọng tài phải hướng dẫn các bên có mặt tại phiên họp xét xử nếu cần gửi thông báo thích hợp về thời gian và địa điểm được ấn định bởi Hội đồng Trọng tài.
2. Hội đồng Trọng tài phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về các phiên họp xét xử mà tại đó các bên được quyền tham gia. Trừ khi Hội đồng và các bên chấp thuận, những người không liên quan đến tố tụng trọng tài sẽ không được tham gia.
3. Các bên có thể tham gia trực tiếp và/hoặc thông qua người đại diện hợp pháp, và họ có thể được hỗ trợ bởi cố vấn.
4. Các phiên họp giải quyết tiến hành bí mật trừ khi các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật yêu cầu khác đi. Hội đồng Trọng tài có thể yêu cầu bất kỳ một nhân chứng hoặc các nhân chứng vắng mặt trong quá trình

lấy lời khai của nhân chứng khác. Hội đồng Trọng tài có thể quyết định phương pháp kiểm tra nhân chứng.

5. Theo yêu cầu của Hội đồng Trọng tài hoặc của một bên, Ban Thư ký có thể ghi âm, thu xếp phiên dịch, ghi chép nhanh, đặt phòng tổ chức phiên họp xét xử hoặc công việc tương tự được coi là cần thiết để tiến hành các thủ tục tố tụng với chi phí do các bên chịu.

## Điều 31. Kết thúc Tố tụng

---

1. Khi các bên đã thỏa mãn vì đã có cơ hội hợp lý để trình bày về vụ kiện của họ, Hội đồng Trọng tài sẽ tuyên bố kết thúc tố tụng. Sau đó, không nộp thêm bất kỳ tài liệu hay tiến hành tranh luận thêm nữa hay cung cấp thêm chứng cứ, trừ khi Hội đồng Trọng tài yêu cầu hoặc cho phép.
2. Hội đồng Trọng tài theo ý chí của riêng mình hoặc theo đề nghị của một bên, có thể mở lại phiên họp giải quyết vào bất kỳ thời điểm nào trước khi đưa ra Phán quyết.

## Điều 32. Các Biện pháp Ngăn chặn và Tạm thời

---

1. Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, khi có yêu cầu được nộp cho Hội đồng Trọng tài, Hội đồng Trọng tài có thể ra lệnh áp dụng bất kỳ biện pháp ngăn chặn và tạm thời nào được xem là phù hợp theo yêu cầu của một bên:
  - (a) duy trì hoặc khôi phục lại hiện trạng chờ giải quyết tranh chấp;
  - (b) thực hiện hành động ngăn chặn hoặc không thực hiện hành động dẫn tới, tổn hại hoặc thiệt hại hiện tại hoặc tương lai đối với chính thủ tục tố tụng trọng tài;

- (c) đưa ra biện pháp bảo vệ đối với tài sản để phán quyết sau này có thể thi hành được; hoặc
- (d) bảo vệ chứng cứ có thể liên quan hoặc quan trọng đối với việc giải quyết tranh chấp.
- Hội đồng Trọng tài có thể áp dụng biện pháp quy định tại Khoản 1 sau khi bên yêu cầu đã cung cấp một biện pháp bảo đảm phù hợp. Tất cả các biện pháp sẽ được thực hiện dưới hình thức là một lệnh có lý do hoặc một Phán quyết, tùy hình thức mà Hội đồng Trọng tài cho là phù hợp.
  - Trước khi nộp yêu cầu cho Hội đồng Trọng tài, và trong những trường hợp phù hợp thì ngay cả sau khi nộp, các bên có thể yêu cầu bất kỳ cơ quan tư pháp nào có thẩm quyền để thực hiện các biện pháp ngăn chặn và tạm thời. Đơn yêu cầu của một bên gửi cho cơ quan tư pháp để thực hiện biện pháp này hoặc thực hiện bất kỳ biện pháp nào theo lệnh của Hội đồng Trọng tài, sẽ không bị coi là một hành vi xâm phạm hoặc từ bỏ thỏa thuận trọng tài và sẽ không ảnh hưởng đến các quyền hạn liên của Hội đồng Trọng tài. Đơn yêu cầu này và bất kỳ biện pháp nào được thực hiện bởi cơ quan tư pháp phải được thông báo ngay cho Ban Thư ký và Ban Thư ký sẽ thông báo cho Hội đồng Trọng tài.
  - Khi tiến hành tố tụng trọng tài mà thỏa thuận trọng tài được giao kết sau ngày có hiệu lực của Quy tắc này, một bên có nhu cầu đề nghị biện pháp ngăn chặn và tạm thời trước khi thành lập Hội đồng Trọng tài có thể xin áp dụng biện pháp theo thủ tục quy định tại Phụ lục 3.

### Điều 33. Vi phạm

---

- Trong thời hạn được ấn định bởi Hội đồng Trọng tài, nếu một bên không nộp tài liệu mà không có đủ lý do cho việc không thực hiện này, Hội đồng Trọng tài sẽ vẫn tiến hành tố tụng trọng tài

- Nếu một bên không có mặt hoặc tham gia phiên họp xét xử sau khi nhận được thông báo hợp lệ mà không có lý do chính đáng cho việc không có mặt hay không tham gia này, Hội đồng Trọng tài vẫn tiến hành phiên họp xét xử.
- Trong thời hạn được ấn định bởi Hội đồng Trọng tài, nếu một bên không đưa ra các tài liệu.

### Điều 34. Rút đơn khởi kiện

---

- Trước khi có Phán quyết cuối cùng, Nguyên đơn có thể rút đơn khởi kiện của mình toàn bộ hoặc từng phần, bằng văn bản.
- Trước khi thành lập Hội đồng Trọng tài, đơn khởi kiện có thể được rút bằng cách gửi cho Ban Thư ký một thông báo về việc rút đơn khởi kiện toàn bộ hoặc từng phần. Tuy nhiên, nếu Bị đơn đã nộp Trả lời của mình, Bị đơn phải đồng ý với việc rút đơn, và nếu Bị đơn không phản đối trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo rút đơn, Bị đơn được coi như đã đồng ý với việc rút đơn này.
- Sau khi thành lập Hội đồng Trọng tài, đề nghị rút đơn khởi kiện phải được gửi tới Hội đồng trọng tài, Hội đồng Trọng tài sẽ cho Bị đơn cơ hội để trình bày ý kiến về vấn đề này. Hội đồng Trọng tài sẽ chấp thuận đề nghị rút đơn khởi kiện trừ trường hợp Bị đơn không đồng ý với việc rút này và Hội đồng Trọng tài xác định rằng Bị đơn có lợi ích hợp pháp trong giải quyết tranh chấp.

## Chương V. PHÁN QUYẾT

### Điều 35. Quyết định

---

Khi có nhiều hơn một trọng tài viên và các trọng tài viên không đồng ý về một vấn đề, Phán quyết hoặc quyết định sẽ được thực hiện theo đa số trọng tài viên. Nếu không có quyết định nào quá bán về một vấn đề, chủ tịch Hội đồng Trọng tài sẽ quyết định.

### Điều 36. Hình thức và Hiệu lực của Phán quyết

---

1. Tất cả Phán quyết phải được lập thành văn bản. Trừ khi có thỏa thuận khác giữa các bên, mỗi Phán quyết phải nêu các lý do được dùng làm căn cứ.
2. Mỗi Phán quyết phải nêu rõ ngày của Phán quyết và được ký bởi tất cả các thành viên của Hội đồng Trọng tài. Nếu thiếu số trọng tài viên từ chối hoặc không ký vào Phán quyết, các trọng tài viên còn lại phải nêu rõ các lý do của việc không có chữ ký này. Phán quyết sẽ được coi là được lập tại địa điểm thực hiện trọng tài và vào ngày được ghi trên Phán quyết.
3. Mỗi Phán quyết sẽ có hiệu lực ràng buộc các bên. Các bên cam kết thực hiện Phán quyết ngay lập tức.

### Điều 37. Phán quyết Tạm thời, Sơ bộ hoặc Từng phần

---

1. Khi đưa ra Phán quyết cuối cùng, Hội đồng Trọng tài sẽ có quyền đưa ra các Phán quyết tạm thời, sơ bộ hoặc từng phần.
2. Trong trường hợp các Phán quyết từng phần, Hội đồng Trọng tài có thể lập các Phán quyết về những vấn đề

khác nhau ở những thời điểm khác nhau, chúng sẽ được chỉnh sửa theo thủ tục quy định tại Điều 41. Trừ khi Hội đồng Trọng tài có ý kiến khác đi, những Phán quyết này sẽ có hiệu lực thi hành riêng ngay sau khi chúng được lập.

### Điều 38. Thời hạn ban hành Phán quyết cuối cùng

---

1. Trừ khi tất cả các bên có thỏa thuận khác, Hội đồng Trọng tài sẽ lập phán quyết trong vòng 45 ngày kể từ ngày nộp các tài liệu cuối cùng hoặc phiên họp xét xử kết thúc tùy theo ngày nào muộn hơn.
2. Ban Thư ký có thể gia hạn thời hạn đối với Phán quyết cuối cùng theo một yêu cầu có cơ sở từ Hội đồng Trọng tài hoặc theo ý kiến riêng mình nếu thấy cần thiết phải làm vậy.

### Điều 39. Phán quyết theo Thỏa thuận

---

Nếu các bên đạt được thỏa thuận giải quyết sau khi đã nộp Đơn Khởi kiện và đã nộp tạm ứng phí theo Quy tắc này, Hội đồng Trọng tài có thể ban hành một Phán quyết ghi nhận thỏa thuận theo yêu cầu của bất kỳ bên nào. Nếu các bên không yêu cầu ra Phán quyết về thỏa thuận, thì khi có xác nhận bằng văn bản của các bên gửi cho Ban Thư ký rằng giải quyết tranh chấp đã đạt được, Hội đồng Trọng tài sẽ giải tán và tổ tụng trọng tài kết thúc, sau khi các bên đã thanh toán chi phí tồn đọng liên quan đến trọng tài.

### Điều 40. Thông báo và Đăng ký Phán quyết

---

1. Sau khi Phán quyết được ban hành và các chi phí trọng tài đã được thanh toán đầy đủ bởi một hoặc cả hai bên, Ban Thư ký sẽ gửi Phán quyết đã được ký bởi Hội đồng



Trọng tài cho các bên. Căn cứ vào thông báo theo quy định trên, các bên từ bỏ bất kỳ hình thức thông báo hoặc đăng ký từ phía Hội đồng Trọng tài.

- Hội đồng Trọng tài và Ban Thư ký sẽ hỗ trợ các bên tuân thủ bất cứ thủ tục nào khác cần phải thực hiện đối với Phán quyết.

#### **Điều 41. Chính sửa và Giải thích một Phán quyết**

- Hội đồng Trọng tài theo ý chí của mình, có thể chỉnh sửa bất kỳ lỗi nào có trong một phán quyết như lỗi ghi chép, lỗi tính toán hoặc chính tả, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày của Phán quyết.
- Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, một bên có thể thông báo đến Ban Thư ký trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được một Phán quyết, yêu cầu Hội đồng Trọng tài sửa bất kỳ lỗi nào được nêu tại Khoản 1 hoặc yêu cầu giải thích Phán quyết đó. Bất kỳ chỉnh sửa hoặc giải thích phải được thực hiện bằng văn bản trong vòng 30 ngày sau khi nhận được yêu cầu. Những chỉnh sửa hoặc giải thích này là một phần của Phán quyết.

#### **Điều 42. Phán quyết Bổ sung**

Trừ khi có thỏa thuận khác của các bên, một bên có thể thông báo cho Ban Thư ký và bên hoặc các bên còn lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được Phán quyết, yêu cầu Hội đồng Trọng tài ra Phán quyết bổ sung đối với các yêu cầu được trình bày trong quá trình tố tụng trọng tài nhưng không được giải quyết trong Phán quyết. Nếu Hội đồng Trọng tài cho rằng yêu cầu này là chính đáng, Hội đồng Trọng tài sẽ lập Phán quyết bổ sung trong vòng 60 ngày kể từ ngày có yêu cầu.

## **Chương 6. THỦ TỤC RÚT GỌN**

### **Điều 43. Phạm vi áp dụng**

Những quy định trong Chương này của Quy tắc ("Thủ tục rút gọn") sẽ áp dụng cho các trường hợp sau đây:

- trường hợp số tiền yêu cầu không vượt quá 500.000.000 Won; hoặc
- trường hợp các bên đồng ý áp dụng Thủ tục rút gọn theo Chương này.

### **Điều 44. Thời hạn để nộp Đơn kiện lại và Tăng khoản yêu cầu khởi kiện và Đơn kiện lại**

- Nếu số tiền yêu cầu phản tố vượt quá 500.000.000 Won, Bị đơn sẽ nộp một đơn kiện lại trong thời hạn được quy định tại Điều 9(4). Trong trường hợp này, thủ tục tố tụng trọng tài sẽ không áp dụng theo Thủ tục rút gọn, trừ khi các bên có thỏa thuận khác.
- Thủ tục rút gọn theo Chương này sẽ không áp dụng khi một bên đề nghị tăng số tiền yêu cầu khởi kiện hoặc số tiền yêu cầu phản tố vượt quá 500.000.000 Won, trừ khi các bên thỏa thuận rằng Thủ tục rút gọn sẽ tiếp tục điều chỉnh thủ tục tố tụng trọng tài không phụ thuộc vào việc tăng số tiền này và Hội đồng Trọng tài, nếu đã được thành lập, chấp nhận.

### **Điều 45. Chỉ định trọng tài viên**

- Ban Thư ký sẽ chỉ định một trọng tài viên duy nhất mà không áp dụng Điều 12 của Quy tắc này trừ khi có thỏa thuận khác giữa các bên.

2. Nếu thỏa thuận trọng tài quy định ba trọng tài viên, Ban Thư ký có thể khuyến khích các bên thỏa thuận đưa vụ kiện ra giải quyết bởi một trọng tài viên duy nhất.

#### **Điều 46. Thủ tục Phiên họp Giải quyết**

---

1. Hội đồng Trọng tài sẽ ấn định ngày, địa điểm mở phiên họp giải quyết và thông báo cho các bên và Ban Thư ký bằng bất kỳ phương thức nào phù hợp bao gồm cả hình thức bằng miệng, trực tiếp, bằng điện thoại hoặc bằng văn bản.
2. Phiên họp giải quyết nói chung sẽ được tổ chức duy nhất một lần, tuy nhiên, Hội đồng Trọng tài có thể tổ chức phiên họp giải quyết sau đó hoặc yêu cầu nộp thêm tài liệu sau phiên họp giải quyết nếu thấy cần thiết.

#### **Điều 47. Tổ tụng qua tài liệu**

---

1. Trừ khi có thỏa thuận khác của các bên, trường hợp yêu cầu của cả hai bên đều không vượt quá 500.000.000 Won, tranh chấp sẽ được giải quyết trên cơ sở chỉ xem xét tài liệu chứng cứ, tuy nhiên, với điều kiện là Hội đồng Trọng tài có thể tổ chức phiên họp giải quyết theo yêu cầu của một bên hoặc theo ý chí chủ quan của mình.
2. Hội đồng Trọng tài sẽ thiết lập những thủ tục phù hợp để định ra thời hạn và phương thức nộp văn bản.

#### **Điều 48. Phán quyết**

---

1. Phán quyết sẽ được đưa ra trong vòng 6 tháng kể từ ngày thành lập Hội đồng Trọng tài, tuy nhiên, với điều

kiện là Ban Thư ký, theo yêu cầu của Hội đồng Trọng tài hoặc theo ý chí chủ quan của mình, có thể quyết định cho phép gia hạn nếu thấy cần thiết.

2. Hội đồng Trọng tài sẽ nêu rõ những lý do làm căn cứ của Phán quyết trọng tài theo hình thức tóm tắt, trừ khi các bên có thỏa thuận khác.

#### **Điều 49. Áp dụng tương tự**

---

Những quy định của Quy tắc này sẽ áp dụng với những điều chỉnh cần thiết cho các vấn đề không được quy định tại Chương này.

## Chương 7. CHI PHÍ

### Điều 50. Nghĩa vụ trả Chi phí Trọng tài

---

1. Chi phí Trọng tài bao gồm phí khởi kiện, phí hành chính và các loại lệ phí và chi phí của các trọng tài viên phát sinh trong thủ tục trọng tài theo Phụ lục 1 (Quy định về Phí Khởi kiện và Phí Hành chính) và Phụ lục 2 (Quy định về Phí và Chi phí Trọng tài viên).
2. Các bên phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán Chi phí Trọng tài cho Ban Thư ký.
3. Nếu giá trị khoản tranh chấp giảm bớt do có thay đổi yêu cầu kiện hoặc yêu cầu phản tố theo Điều 20, các khoản phí hành chính và phí của trọng tài đã nộp không được hoàn lại.

### Điều 51. Chi phí Tạm ứng

---

1. Các bên phải tạm ứng cho Ban Thư ký một khoản tiền do Ban Thư ký ấn định để trang trải các Chi phí Trọng tài ("Tạm ứng Chi phí"). Tạm ứng Chi phí phải được trả theo cách thức và trong khoảng thời gian do Ban Thư ký xác định và Ban Thư ký có thể điều chỉnh bất kỳ khi nào trong suốt quá trình tố tụng trọng tài.
2. Ban Thư ký phải ấn định khoản Tạm ứng Chi phí và điều chỉnh bất kỳ khoản này trong suốt quá trình trọng tài. Ban Thư ký phải yêu cầu mỗi bên đặt cọc một khoản nhất định như là Tạm ứng Chi phí.
3. Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, Tạm ứng Chi phí phải được chia thành những phần thanh toán bằng tiền mặt ngang nhau cho Nguyên đơn và Bị đơn.
4. Trường hợp có nhiều Nguyên đơn hoặc Bị đơn, các bên

đó phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán Tạm ứng Chi phí. Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, các bên phải chịu chi phí ngang nhau.

5. Nếu Nguyên đơn hoặc Bị đơn không trả Tạm ứng Chi phí hoặc các khoản bổ sung bởi Ban Thư ký theo quy định trên đây, Ban Thư ký có thể, sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng Trọng tài, tạm dừng hoặc chấm dứt thủ tục trọng tài.
6. Bất cứ bên nào cũng được tự do thanh toán cho phần Tạm ứng Chi phí Tạm ứng của bên kia nếu bên kia không trả phần của họ. Trong trường hợp này, bên trả toàn bộ số tiền có thể yêu cầu Hội đồng Trọng tài ra quyết định yêu cầu bên kia phải trả phần của bên đó trong một Phán quyết tạm thời, sơ bộ hoặc từng phần.
7. Ban Thư ký phải xác định số tiền Tạm ứng Chi phí còn dư, nếu có, khi kết thúc tố tụng. Ban Thư ký phải hoàn lại bất kỳ khoản còn dư Tạm ứng Chi phí nào cho một bên hoặc các bên đã trả Tạm ứng Chi phí.
8. Tạm ứng Chi phí sẽ không bị tính lãi khi hoàn lại.

### Điều 52. Phân bổ Chi phí Trọng tài

---

1. Chi phí Trọng tài, bao gồm phí hành chính, về nguyên tắc sẽ do bên thua kiện chịu. Tuy nhiên, Hội đồng Trọng tài có thể, xem xét hoàn cảnh từng vụ việc, phân bổ Chi phí Trọng tài giữa các bên theo bất cứ cách nào được cho là thích hợp.
2. Hội đồng Trọng tài sẽ phân bổ nghĩa vụ thanh toán Chi phí Trọng tài trong mỗi Phán quyết, với điều kiện là Hội đồng Trọng tài theo ý chí của mình có thể tạm hoãn việc phân bổ Chi phí Trọng tài trong trường hợp ra Phán quyết tạm thời, sơ bộ hoặc từng phần cho đến khi có Phán quyết cuối cùng.

### **Điều 53. Chi phí một Bên phải chịu**

---

Chi phí pháp lý và các chi phí cần thiết liên quan đến tố tụng sẽ do các bên phải chịu, bao gồm phí pháp lý và chi phí cho chuyên gia, thông dịch viên và người làm chứng, sẽ được Hội đồng Trọng tài quyết định trong Phán quyết cuối cùng. Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, Hội đồng Trọng tài có quyền xác định chi phí cần thiết phát sinh trong quá trình tố tụng theo bất cứ cách nào được cho là thích hợp xét theo hoàn cảnh của vụ việc.

## **Chương 8. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

### **Điều 54. Thời hạn được thay đổi**

---

Các bên có thể thay đổi bất kỳ thời hạn nào được quy định trong Quy tắc này theo thỏa thuận bằng văn bản. Hội đồng Trọng tài có thể gia hạn bất kỳ thời hạn nào trong Quy Tắc này nếu xét thấy cần thiết trừ thời hạn ra Phán quyết. Hội đồng Trọng tài phải thông báo cho các bên và Ban Thư ký khi thay đổi một thời hạn và đưa ra lý do cho sự thay đổi đó.

### **Điều 55. Từ bỏ quyền**

---

Một bên biết rằng bất kỳ quy định trong Quy tắc này, thỏa thuận trọng tài, bất kỳ quy tắc nào khác có liên quan đến thủ tục tố tụng, hoặc quyết định của Hội đồng Trọng tài không được tuân thủ và vẫn tiến hành trọng tài mà không

đưa ra phản đối ngay thì sẽ được coi là đã từ bỏ quyền phản đối của mình.

### **Điều 56. Loại trừ trách nhiệm**

---

Các trọng tài viên và Ban Thư ký sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ hành động hoặc thiếu sót có liên quan đến tố tụng trọng tài được tiến hành theo Quy tắc này, trừ khi hành động hoặc thiếu sót bị phát hiện là do cố ý làm trái hoặc bất cẩn.

### **Điều 57. Bảo mật**

---

1. Hoạt động tố tụng trọng tài, và ghi chép về trọng tài, phải giữ bí không công bố.
2. Trọng tài viên, trọng tài viên khẩn cấp, Ban Thư ký, các bên và tài liệu và trợ lý của họ không được tiết lộ các sự kiện liên quan đến vụ việc ở trọng tài hoặc những sự kiện biết được thông qua trọng tài trừ trường hợp việc tiết lộ được các bên nhất trí, theo yêu cầu pháp luật, hoặc được yêu cầu theo thủ tục tòa án.
3. Mặc dù quy định tại Khoản 1 và 2, đối với phán quyết trọng tài, Ban Thư ký có thể công bố một Phán quyết sau khi đã thay đổi tên, địa điểm, ngày và bất kỳ thông tin xác minh nào liên quan đến các bên hoặc tranh chấp, nhưng chỉ khi các bên rõ ràng không phản đối việc công bố này trong thời hạn Ban Thư ký quyết định.

## ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG

1. Quy tắc này có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2007.
2. Bất kỳ thủ tục tố tụng trọng tài bắt đầu trước khi Quy tắc này có hiệu lực sẽ được điều chỉnh bởi Quy tắc Trọng tài của KCAB; với điều kiện là các thủ tục sau đó có thể, theo thỏa thuận của các bên, được thực hiện theo Quy tắc này. Trong trường hợp có thỏa thuận như vậy giữa các bên, các thủ tục tố tụng đã được tiến hành theo Quy tắc Trọng tài của KCAB vẫn có hiệu lực.

## ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG

1. (Ngày hiệu lực) Quy tắc này có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2011.
2. (Các biện pháp chuyển tiếp cho hoạt động trọng tài đang diễn ra) Trường hợp thủ tục tố tụng trọng tài đã bắt đầu trước ngày 1 tháng 9 năm 2011, các quy định trước đây sẽ được áp dụng. Tuy nhiên, các bên có thể thoả thuận áp dụng các Quy tắc này sau 01 tháng 9 năm 2011 mà không ảnh hưởng đến hiệu lực của các thủ tục tố tụng trọng tài đã diễn ra trước ngày này.
3. (Áp dụng) Quy tắc này áp dụng đối với trọng tài trong đó có một thỏa thuận trọng tài theo Điều 3 của Quy tắc này đã được ký kết bởi các bên sau ngày có hiệu lực trên đây.

## ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG

1. (Ngày hiệu lực) Quy tắc này có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 6 năm 2016.
2. (Các biện pháp chuyển tiếp cho hoạt động trọng tài đang diễn ra) Trường hợp thủ tục tố tụng trọng tài đã bắt đầu trước ngày 1 tháng 6 năm 2016, các quy định trước đây sẽ được áp dụng. Tuy nhiên, các bên có thể thoả thuận áp dụng Quy tắc này sau ngày 01 tháng 6 năm 2016 mà không ảnh hưởng đến hiệu lực của các thủ tục tố tụng trọng tài đã diễn ra trước ngày này.
3. (Áp dụng) Quy tắc có hiệu lực vào thời điểm thủ tục trọng tài bắt đầu, sẽ được hiểu là áp dụng trong trường hợp có một thoả thuận trọng tài theo Điều 3 (1) của Quy tắc này. Tuy nhiên, nếu các bên đồng ý một cách rõ ràng áp dụng quy tắc mà có hiệu lực vào ngày lập thoả thuận trọng tài thì quy tắc đó sẽ được áp dụng. Điều 21 và Điều 32 (4) chỉ áp dụng với trọng tài mà trong đó một thoả thuận trọng tài đã được ký kết bởi các bên sau ngày có hiệu lực của Quy tắc này.

# PHỤ LỤC 1. QUY ĐỊNH VỀ PHÍ KHỞI KIỆN VÀ PHÍ HÀNH CHÍNH

## Điều 1. Phí nộp khởi kiện

1. Khi nộp Đơn khởi kiện, Nguyên đơn phải trả phí khởi kiện là 1.000.000 Won. Tuy nhiên, Ban Thư ký tùy theo quyết định của mình, có thể miễn thanh toán phí khởi kiện trong trường hợp số tiền yêu cầu khởi kiện hoặc kiện lại thấp hơn số tiền cụ thể được xác định bởi Ban Thư ký.
2. Ban Thư ký sẽ không thực hiện thủ tục trọng tài cho đến khi Nguyên đơn đã trả phí khởi kiện.
3. Phí khởi kiện không được hoàn lại.
4. Những điều khoản trên cũng được áp dụng cho yêu cầu phản tố.

## Điều 2. Phí hành chính

1. Các bên phải trả phí hành chính cho Ban Thư ký dựa trên số tiền tranh chấp được quy định cụ thể trong biểu phí sau đây.

	GIÁ TRỊ VỤ TRANH CHẤP	PHÍ HÀNH CHÍNH
I	Đến 10.000.000 Won	2% (thấp nhất là 50.000 Won)
II	Từ 10.000.000 Won đến 50.000.000 Won	200.000 Won + (giá trị - 10.000.000 Won) × 1,5%
III	Từ 50.000.000 Won đến 100.000.000 Won	800.000 Won + (giá trị - 50.000.000 Won) × 1,0%
IV	Từ 100.000.000 Won đến 5.000.000.000 Won	1.300.000 Won + (giá trị - 100.000.000 Won) × 0,5%
V	Từ 5.000.000.000 Won đến 10.000.000.000 Won	25.800.000 Won + (giá trị - 5.000.000.000 Won) × 0,25%
VI	Trên 10.000.000.000 Won	38.300.000 Won + (giá trị - 10.000.000.000 Won) × 0,2%
VII	Đơn khởi kiện không xác định giá trị	3.000.000 Won

- (a) Khoản tối đa của phí hành chính là 150.000.000 Won.
- (b) Ban Thư ký theo quyết định của mình, có thể giảm phí hành chính mà các bên phải trả.

### 1. Nhằm mục đích xác định giá trị vụ tranh chấp:

- (a) Yêu cầu khởi kiện và kiện lại phải được tính chung;
- (b) Khoản yêu cầu về tiền lãi sẽ không được tính, trừ khi yêu cầu về tiền lãi vượt quá số tiền gốc được yêu cầu, trong trường hợp này, chỉ riêng số tiền lãi suất yêu cầu mới được xem xét khi tính giá trị vụ tranh chấp; và
- (c) Nếu giá trị vụ tranh chấp không rõ ràng, Ban Thư ký có thể quyết định giá trị vụ tranh chấp bằng cách xem xét tất cả các tình huống có liên quan.

2. Trong trường hợp rút Đơn Khởi kiện hoặc tranh chấp đã được các bên giải quyết trước khi đưa ra Phán quyết cuối cùng, Ban Thư ký có thể hoàn trả một phần phí hành chính được xác định theo quy định nội bộ của Ban Thư ký.

## Điều 3. Phí hành chính đối với Thủ tục Trọng tài Khẩn cấp

1. Bên làm đơn yêu cầu áp dụng Biện pháp Khẩn cấp theo Phụ lục 3 (Các Biện pháp Khẩn cấp của Trọng tài viên Khẩn cấp) của Quy tắc này phải trả phí hành chính là 3.000.000 Won cho Ban Thư ký khi nộp đơn.
2. Trong trường hợp rút đơn trước khi chỉ định trọng tài viên khẩn cấp, Ban Thư ký phải hoàn trả phí hành chính cho người nộp đơn.

## PHỤ LỤC 2. QUY ĐỊNH VỀ PHÍ VÀ CHI PHÍ TRỌNG TÀI VIÊN

### Điều 1. Phí trọng tài viên

1. Trừ khi các bên có thoả thuận khác, thù lao của (các) trọng tài viên sẽ do Ban Thư ký xác định và phải nằm giữa mức tối thiểu và mức tối đa được quy định trong biểu phí dưới đây, xem xét đến bản chất của tranh chấp, giá trị tranh chấp, thời gian bỏ ra bởi (các) trọng tài viên, và các yếu tố khác có liên quan.

	GIÁ TRỊ VỤ TRANH CHẤP	PHÍ TRỌNG TÀI VIÊN	
		TỐI THIỂU	TỐI ĐA
I	Đến 50.000.000 WON	1.000.000	2.000.000
II	Từ 50.000.001 WON đến 100.000.000 WON	1.000.000 + 1% × (giá trị - 50.000.000)	2.000.000 + 5% × (giá trị - 50.000.000)
III	Từ 100.000.001 WON đến 500.000.000 WON	1.500.000 + 0,75 % × (giá trị - 100.000.000)	4.500.000 + 3 % × (giá trị - 100.000.000)
IV	Từ 500.000.001 WON đến 1.000.000.000 WON	4.500.000 + 0,5 % × (giá trị - 500.000.000)	16.500.000 + 2,8 % × (giá trị - 500.000.000)
V	Từ 1.000.000.001 WON đến 5.000.000.000 WON	7.000.000 + 0,25 % × (giá trị - 1.000.000.000)	30.500.000 + 1 % × (giá trị - 1.000.000.000)
VI	Từ 5.000.000.001 WON đến 10.000.000.000 WON	17.000.000 + 0,04 % × (giá trị - 5.000.000.000)	70.500.000 + 0,2 % × (giá trị - 5.000.000.000)
VII	Từ 10.000.000.001 WON đến 50.000.000.000 WON	19.000.000 + 0,025 % × (giá trị - 10.000.000.000)	80.500.000 + 0,1 % × (giá trị - 10.000.000.000)
VIII	Từ 50.000.000.001 WON đến 100.000.000.000 WON	29.000.000 + 0,015 % × (giá trị - 50.000.000.000)	120.500.000 + 0,07 % × (giá trị - 50.000.000.000)
IX	Trên 100.000.000.001 WON	36.500.000 + 0,007 % × (giá trị - 100.000.000.000)	155.500.000 + 0,03 % × (giá trị - 100.000.000.000)

2. Để xác định giá trị tranh chấp, Điều 2 (2) Phụ lục 1 sẽ áp dụng với những thay đổi cần thiết.
3. Nếu Đơn khởi kiện được rút hoặc trọng tài đã được giải quyết giữa các bên trước khi đưa ra Phán quyết cuối cùng, Ban Thư ký sẽ trả phí này cho (các) trọng tài viên nếu xét thấy phù hợp theo quy định nội bộ.

### Điều 2. Chi phí trọng tài viên

Chi phí trọng tài viên bao gồm các chi phí thực tế mà trọng tài viên cần phải trả để tiến hành tố tụng trọng tài, bao gồm chi phí đi lại, khách sạn, ăn uống và các chi phí khác phát sinh trong suốt tố tụng trọng tài

### Điều 3. Phí Trọng tài viên Khẩn cấp

1. Khoản thù lao cho một trọng tài viên khẩn cấp là 15.000.000 WON.
2. Nếu thủ tục tố tụng kết thúc trước khi có quyết định của trọng tài viên khẩn cấp về Các Biện pháp Khẩn cấp, Ban Thư ký có thể giảm mức thù lao trọng tài viên khẩn cấp, nếu xét thấy hợp lý, xem xét đến tất cả những tình huống bao gồm việc phiên họp đã diễn ra hay chưa. Trong trường hợp này, Ban Thư ký phải thông báo ngay cho trọng tài viên khẩn cấp về số tiền giảm bớt.

### **PHỤ LỤC 3.**

## **BIỆN PHÁP KHẨN CẤP CỦA TRỌNG TÀI VIÊN KHẨN CẤP**

#### **Điều 1. Áp dụng Biện pháp Khẩn cấp**

---

1. Theo Điều 32 của Quy tắc này, một bên yêu cầu biện pháp ngăn chặn và tạm thời có thể, cùng lúc hoặc sau khi nộp Đơn khởi kiện nhưng trước khi thành lập Hội đồng Trọng tài, nộp đơn bằng văn bản đến Ban Thư ký yêu cầu các biện pháp ngăn chặn và tạm thời do trọng tài viên khẩn cấp thực hiện (“Biện pháp Khẩn cấp”).
2. Đơn yêu cầu Biện pháp Khẩn cấp phải bao gồm các thông tin sau:
  - (a) Họ tên và địa chỉ, số điện thoại, số fax (với mã quốc gia và mã vùng), địa chỉ email của các bên, trong phạm vi các thông tin mà người yêu cầu có được một cách hợp lý)
  - (b) Họ tên và địa chỉ, số điện thoại, số fax (với mã quốc gia và mã vùng), địa chỉ email của người đại diện, trong phạm vi các thông tin mà người yêu cầu có được một cách hợp lý)
  - (c) Tóm tắt vụ tranh chấp;
  - (d) Trình bày về Biện pháp Khẩn cấp mà bên đó yêu cầu;
  - (e) Tham chiếu thỏa thuận trọng tài; và
  - (f) Những tình tiết cụ thể chứng minh yêu cầu áp dụng Biện pháp Khẩn cấp.
3. Một bản sao thỏa thuận trọng tài và Đơn khởi kiện phải được kèm theo đơn yêu cầu Biện pháp Khẩn cấp.
4. Thư ủy quyền phải được kèm theo đơn yêu cầu Biện

pháp Khẩn cấp, nếu người yêu cầu có luật sư đại diện.

5. Khi nộp đơn yêu cầu Biện pháp Khẩn cấp, người yêu cầu sẽ trả tạm ứng phí hành chính của Ban Thư ký theo Phụ lục 1 Điều 3 và phí trọng tài khẩn cấp theo Phụ lục 2 Điều 3.
6. Đơn yêu cầu sẽ không được coi là đã được nhận bởi Ban Thư ký cho đến khi các khoản lệ phí này đã được thanh toán đầy đủ theo quy định tại Khoản 5 trên đây.
7. Điều 4 (1) và Điều 8 (6) của Quy tắc này sẽ áp dụng với những sửa đổi cần thiết khi đơn yêu cầu Biện pháp Khẩn cấp được nộp.

#### **Điều 2. Bổ nhiệm Trọng tài viên Khẩn cấp**

---

1. Ban Thư ký phải chỉ định duy nhất một trọng tài viên khẩn cấp.
2. Trọng tài viên khẩn cấp phải luôn công bằng và độc lập. Không một ai được chỉ định làm trọng tài viên khẩn cấp nếu có bất kỳ tình huống nào làm nảy sinh nghi ngờ hợp lý về tính khách quan và độc lập của người đó.
3. Ngay sau khi được chỉ định, trọng tài khẩn cấp phải nộp cho Ban Thư ký một Chấp nhận Chỉ định và Tuyên bố Công bằng và Độc lập tuyên bố rằng không có tình huống nào có thể làm nảy sinh nghi ngờ về tính khách quan và độc lập của người đó.
4. Ban Thư ký phải nỗ lực chỉ định một trọng tài viên khẩn cấp trong vòng hai ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn yêu cầu Biện pháp Khẩn cấp, nếu đơn yêu cầu Biện pháp Khẩn cấp tuân thủ tất cả các yêu cầu đặt ra trong Phụ lục 3 Điều 1, và Ban Thư ký, theo quyết định của mình, xem xét chỉ định một trọng tài viên khẩn cấp thích hợp.
5. Về việc chỉ định một trọng tài viên khẩn cấp, Ban Thư ký



phải gửi ngay cho các bên Thông báo chỉ định cùng với bản sao Chấp nhận Chỉ định và Tuyên bố Công Bằng và Độc lập của trọng tài khẩn cấp.

6. Bất kỳ bên nào có thể phản đối tư cách của một trọng tài viên khẩn cấp theo quy định tại Điều 14 của Quy tắc này bằng cách gửi một tuyên bố bằng văn bản cho Ban Thư ký nêu cụ thể các sự kiện và tình huống phản đối đang dựa vào trong vòng hai ngày làm việc, kể từ ngày bên đó nhận được Thông báo Chỉ định hoặc ngày mà các bên biết được những tính huống làm phát sinh những nghi ngờ hợp lý về sự công bằng hoặc độc lập của trọng tài khẩn cấp, tùy sự kiện nào đến sau. Ban Thư ký sẽ đưa ra quyết định về phản đối này.
7. Các bên không thể phản đối một trọng tài viên khẩn cấp sau khi quyền của trọng tài viên khẩn cấp đã chấm dứt, và bất kỳ thủ tục phản đối nào còn đang tiến hành theo đơn đã nộp trước đó sẽ phải chấm dứt.
8. Điều 10 (4) của Quy tắc này sẽ được áp dụng với những sửa đổi cần thiết đối với việc chỉ định, thay thế hoặc hủy bỏ một trọng tài viên khẩn cấp.

### **Điều 3. Quyền hạn của Trọng tài viên Khẩn cấp**

---

1. Trọng tài viên khẩn cấp có thể quyết định áp dụng bất kỳ Biện pháp Khẩn cấp mà người đó thấy phù hợp theo quy định tại Điều 32 (1), và có thể thay đổi, đình chỉ hoặc chấm dứt quyết định đó.
2. Trọng tài viên khẩn cấp phải thiết lập một thời gian biểu đối với Biện pháp Khẩn cấp trong vòng hai ngày làm việc kể từ ngày được chỉ định.
3. Trọng tài viên khẩn cấp có thể tổ chức một phiên họp nếu trọng tài viên xét thấy cần thiết, hoặc tiến hành bằng một cuộc họp qua điện thoại và/hoặc nộp văn bản thay cho một phiên họp chính thức.

4. Trọng tài viên khẩn cấp phải đưa ra một quyết định áp dụng Biện pháp Khẩn cấp trong vòng 15 ngày kể từ ngày được chỉ định và không thể kéo dài thời hạn này. Tuy nhiên, Ban Thư ký có thể gia hạn thời hạn này nếu tất cả các bên đồng ý hoặc có trường hợp ngoại lệ khác, ví dụ như vụ việc phức tạp.

5. Các bên bị ràng buộc và phải thực hiện các Biện pháp Khẩn cấp theo quyết định của trọng tài viên khẩn cấp. Biện pháp Khẩn cấp được hiểu là biện pháp ngăn chặn và tạm thời sẽ do Hội đồng Trọng tài ban hành khi nó được thành lập. Biện pháp Khẩn cấp sẽ tiếp tục có hiệu lực cho đến khi Hội đồng Trọng tài thay đổi, đình chỉ hoặc chấm dứt Biện pháp Khẩn cấp đó theo Phụ lục 3 Điều 4 (2).

6. Các Biện pháp Khẩn cấp sẽ không còn hiệu lực, nếu:

(a) Hội đồng Trọng tài không được lập trong thời hạn 3 tháng kể từ khi có quyết định áp dụng Biện pháp Khẩn cấp; hoặc

(b) các thủ tục tố tụng trọng tài bị chấm dứt vì việc tiếp tục tố tụng trọng tài đã trở nên không cần thiết hoặc không thể thực hiện vì bất kỳ lý do nào, ví dụ thu hồi Đơn khởi kiện hoặc không trả Tạm ứng Chi phí.

7. Quyền của trọng tài viên khẩn cấp sẽ bị chấm dứt khi Hội đồng Trọng tài thành lập.

Một trọng tài viên khẩn cấp không thể làm trọng tài viên trong cùng một tranh chấp, trừ trường hợp có thỏa thuận bằng văn bản của các bên.

### **Điều 4. Chấp thuận, Thay đổi, Đình chỉ và Chấm dứt bởi Hội đồng Trọng tài**

---

1. Quyết định áp dụng Biện pháp Khẩn cấp của trọng tài viên khẩn cấp sẽ không có giá trị ràng buộc đối với Hội đồng Trọng tài.

- Hội đồng Trọng tài có thể chấp thuận, thay đổi, đình chỉ hoặc chấm dứt các Biện pháp Khẩn cấp toàn bộ hoặc một phần.

## **Điều 5. Áp dụng với những thay đổi cần thiết**

---

Các quy định của Quy tắc này sẽ áp dụng với những sửa đổi cần thiết đối với các trọng tài viên khẩn cấp và thủ tục áp dụng Biện pháp Khẩn cấp trừ khi nó mâu thuẫn với bản chất của trọng tài viên khẩn cấp và Biện pháp Khẩn cấp.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự đóng góp của Hội đồng Trọng tài Quốc tế Hàn Quốc (KOCIA), Bae, Kim & Lee LLC (Seoul, Hàn Quốc) và Công ty Luật TNHH Bae, Kim & Lee Việt Nam đã giúp đỡ chúng tôi hoàn thành bộ Quy Tắc này.

Trong trường hợp có bất kỳ khác biệt nào giữa nội dung bằng tiếng Hàn Quốc và bản dịch tiếng Việt Nam của Quy Tắc này, thì nội dung bằng tiếng Hàn Quốc sẽ được ưu tiên áp dụng.

## **Quy tắc Trọng tài Quốc tế**

### **Hội đồng Trọng tài Thương mại Hàn Quốc**

Tầng 43, 511, Yeongdong-daero, Gangnam-gu,  
Seoul, 06164 Hàn Quốc

Điện thoại : +82-(2)-551-2000,

Fax : +82-(2)-551-2020

<http://www.kcab.or.kr>

**Công bố bởi Hội đồng Trọng tài Thương  
mại Hàn Quốc**